

Bản án số: **225/2022/KDTM - PT.**

Ngày : 28/12/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng góp vốn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Ngô Tuyết Băng**

**Bà Lê Thúy Linh**

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Đinh Thị Tuyết Mai –  
Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 152/2022/TLPT - KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2022/KDTM-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân quận CG đã bị Công ty Cổ phần TBCN là bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 512/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 588/2022/QĐ-PT ngày 30/11/2022 giữa các đương sự :

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV FC

Địa chỉ: Số 49, đường số 10 – Khu đô thị mới H, phường TH, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị C – Giám đốc Công ty

Đại diện ủy quyền: Công ty Luật TNHH D

Địa chỉ: Phòng 6 tầng 14, Tòa nhà V, đường PH, phường TH, quận CG , Hà Nội

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1991

(Có mặt tại phiên tòa)

**- Bị đơn :** Công ty Cổ phần TBCN

Địa chỉ: Phòng 404 tòa nhà V, đường PH, phường TH, quận CG , Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Thái Đôn V – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thế S, sinh năm 2000

(Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ liên hệ: Phòng 512, chung cư vật tư du lịch, số 8 đường TTĐ, phường HL, quận HM, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Đ – Công ty Luật TNHH HG, đoàn luật sư thành phố Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Nguyên đơn là Công ty TNHH MTV FC do bà Bùi Thị M đại diện trình bày:*** Do có quan hệ quen biết và dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau, ngày 06/09/2012 tại trụ sở Công ty cổ phần TBCN (*sau đây gọi tắt là CMS*) tại tầng 6 tòa nhà VH, phố Duy Tân, CG , Hà Nội. Công ty CMS (người đại diện theo pháp luật trước đây là bà Thái Kiều Hương) và Công ty TNHH một thành viên FC (*sau đây gọi tắt là FCC*) (đại diện theo pháp luật là bà Đinh Thị C ) đã tiến hành ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06092012/FCC – CMS với nội dung Công ty FCC sẽ đầu tư vào công ty CMS để công ty CMS đầu tư vào các dự án kinh doanh xây dựng tại các nước châu Phi gồm: Cộng hòa Angola, Cộng hòa Niger, Cộng hòa Bukina, Faso trên nguyên tắc CMS phải sử dụng số tiền góp vốn này đúng với phương án kinh doanh đã đề ra, việc sử dụng vốn phải an toàn và hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và theo quy định của hợp đồng.

Theo đó, CMS sẽ phải thanh toán cho FCC chi phí sử dụng vốn góp là 16.5%/năm trên tổng số tiền mà FCC đã góp vốn vào CMS. Thời gian góp vốn kinh doanh là 24 tháng kể từ ngày CMS nhận được vốn hợp tác kinh doanh. Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2014, các bên đã xác nhận tính đến thời điểm ngày 10/12/2012 phía FCC đã chuyển cho CMS số tiền có giá trị là: 30.050.000.000 đồng.

Tuy nhiên kể từ ngày nhận được hơn 30 tỷ tiền góp vốn của FCC, phía CMS đã không hề triển khai các công việc như các bên đã thỏa thuận. Nhận thấy nguy cơ phía CMS sử dụng vốn sai mục đích và có khả năng mất vốn, ngày 21/4/2014 phía FCC đã tiến hành làm việc với bà Thái Kiều H để trao đổi về tình hình kinh doanh của CMS và kế hoạch hoàn lại vốn góp cho FCC khi sắp đến hạn hoàn vốn theo hợp đồng là ngày 06/9/2014. Tại biên bản làm việc ngày 21/4/2014, bà Thái Kiều H đã lý giải số tiền trên đã được đầu tư vào các dự án tại Ăngola, Camerun, Niger, Burkina Faso, Cộng hòa Trung Phi tuy nhiên do nhiều yếu tố khách quan nên việc đầu tư không hiệu quả. Do vậy đã dẫn đến khả năng hoàn vốn và thanh toán các khoản lãi xuất cho FCC không đúng như hợp đồng đã cam kết. Tại biên bản trên, bà Thái Kiều H cũng đã khẳng định lại việc triển khai các dự án của Công ty đều thực hiện theo đúng cam kết, đúng mục đích và bảo toàn vốn vay. Cũng trong biên

bản này, bà Đinh Thị C giám đốc của công ty FCC cũng đã yêu cầu phía CMS cung cấp các số liệu chi tiết, các hồ sơ tài chính liên quan tới việc sử dụng vốn FCC trong hoạt động đầu tư của CMS ở nước ngoài, phía CMS đồng ý nhưng không thực hiện việc cung cấp các tài liệu nói trên.

Ngày 10/12/2014, sau khi hết thời hạn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa FCC và CMS, phía FCC đã gửi cho CMS công văn số 1012-2014/CV – FCC yêu cầu CMS phải thanh toán ngay cho FCC số tiền gốc là 29.050.000.000 đồng và số tiền phí sử dụng vốn là 6.598.215.007 đồng. Đồng thời phía FCC cũng yêu cầu CMS thực hiện nghiêm túc việc cung cấp toàn bộ hồ sơ, chứng từ liên quan đến chi phí sử dụng vốn góp của FCC. Yêu cầu trên cũng không được phía CMS thực hiện.

Ngày 30/6/2016, tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa FCC và CMS, hai bên đã xác nhận cho đến thời điểm ngày 30/6/2016 phía CMS còn nợ FCC số tiền gốc là 29.050.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 11.820.919.939 đồng.

Ngày 26/10/2016, tại biên bản làm việc số 18/2016/BBLV – Dragon giữa Luật sư Công ty Luật TNHH Dragon và đại diện ủy quyền cho FCC và bà Thái Kiều H – Tổng giám đốc công ty CMS đã thể hiện nội dung: Phía CMS thừa nhận hiện nay chưa xin được giấy phép xây dựng và các giấy phép con tại thị trường Angola, Camerun, Niger và các thị trường ở các nước Châu Phi như bà Hương đã nói mặc dù đã rất nhiều lần FCC yêu cầu bà Hương cung cấp hồ sơ pháp lý.

Do vậy, vào ngày 18/10/2017, FCC đã tiến hành khởi kiện công ty CMS ra Tòa án nhân dân quận CG để giải quyết. Chúng tôi cũng đã rút đơn khởi kiện để làm đơn tố cáo ra cơ quan điều tra giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết đơn tố cáo, cơ quan điều tra đã không khởi tố vụ án hình sự. Vì vậy buộc chúng tôi phải khởi kiện lại với yêu cầu:

1/ Buộc công ty cổ phần thiết bị và công nghiệp xây dựng phải hoàn lại cho Công ty TNHH một thành viên FC số tiền gốc là 29.050.000.000 đồng.

2/ Buộc Công ty cổ phần thiết bị và công nghiệp xây dựng phải trả phần lãi phát sinh do sử dụng vốn của FCC là 11.820.919.939 đồng theo nội dung biên bản làm việc ngày 30/06/2016 giữa CMS và FCC. Đối với phần lãi phát sinh, không yêu cầu công ty CMS chịu lãi kể từ ngày 01/7/2016.

- **Bị đơn trình bày:** Theo tài liệu ghi nhận, ngày 06/9/2012, Công ty CMS và Công ty FCC ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06092012/FCC-CMS. Theo đó, Công ty FCC cam kết góp vốn hợp tác với Công ty CMS với tổng số tiền là 50.000.000.000 đồng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Công ty CMS nhận được tiền góp vốn. Mục đích sử dụng vốn hợp tác là Công ty CMS được quyền chủ động sử dụng số tiền góp vốn nêu trên để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng phải đảm bảo rằng thời gian dự kiến thu hồi vốn tại các dự án dự định đầu tư không vượt quá thời hạn góp vốn kinh doanh.

Thực hiện hợp đồng, Công ty FCC đã chuyển tiền góp vốn cho Công ty CMS, Mặc dù, theo thỏa thuận Hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty FCC cam kết thực hiện góp vốn 50.000.000.000 đồng. Nhưng trên thực tế, theo Biên bản đối chiếu xác nhận giữa Công ty CMS và Công ty FCC, tính đến thời điểm yêu cầu rút vốn, tổng số

tiền Công ty FCC đã chuyển cho Công ty CMS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên là 30.050.000.000 đồng.

Sau khi tiếp nhận vốn góp từ Công ty FCC, Công ty CMS đã thực hiện đầu tư vào các dự án ở Angola, Niger, Burkina Faso, Cameroon. Trong đó, đối với thị trường Niger, Công ty CMS đã ký thỏa thuận Hợp tác toàn diện với bộ Y tế Niger về việc đăng ký cung cấp thuốc và thiết bị theo danh mục đăng ký hàng năm với Bộ Y tế Niger theo thỏa thuận khung mà bà Đinh Thị C - Đại diện pháp luật của Công ty FCC, đã ký từ trước. Đối với thị trường Angola, bà C có trực tiếp tham gia các cuộc gặp gỡ làm việc ở Việt Nam và nắm được các thông tin diễn biến trong quá trình thực hiện đầu tư. Đến tháng 7/2013, khi chứng kiến Công ty CMS bị đối tác Angola chậm thanh toán, Công ty FCC đã gửi công văn tới Công ty CMS đề nghị xin rút vốn trước thời hạn theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện yêu cầu hoàn trả vốn góp của Công ty FCC, trong khoảng thời gian từ 04/7/2014 đến 04/02/2016, Công ty CMS đã thanh toán cho Công ty FCC tổng số tiền 2.074.207.000 đồng. Trong đó gồm: 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 1.074.207.000 đồng tiền lãi. Như vậy, tính đến hết năm 2016, Công ty CMS còn nợ Công ty FCC tổng số tiền gốc là 29.050.000.000 đồng.

Bà Thái Kiều H - người trực tiếp đàm phán, ký kết và điều hành các hoạt động đầu tư trong giai đoạn thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty CMS và Công ty FCC, hiện nay đang chấp hành án phạt tù trong một vụ án hình sự. Do đó các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gần như rơi vào tình trạng đóng băng không phát sinh doanh thu, tình hình tài chính của Công ty CMS lâm vào khó khăn. Bộ máy quản lý điều hành hiện nay tiếp nhận lại Công ty CMS sau khi bà Thái Kiều H - người đại diện theo pháp luật cũ đã bị bắt tạm giam nên đang phải từng bước tìm kiếm giải pháp tái cơ cấu lại Công ty, sắp xếp lại nhân sự để khôi phục lại hoạt động, từng bước tháo gỡ các khó khăn trước mắt. Tuy nhiên, tình trạng Công ty hết sức ngặt nghèo nên việc khôi phục cần rất nhiều nỗ lực, thời gian và đặc biệt là sự hỗ trợ, giúp đỡ từ các đơn vị, đối tác. Vì vậy, Công ty CMS đề nghị hai bên cùng tìm cách tháo gỡ các vướng mắc, cùng thỏa thuận để có phương án giải quyết hài hòa lợi ích cho các bên, giúp Công ty CMS vượt qua được giai đoạn khó khăn trước mắt, sớm xây dựng được phương án trả nợ cho Công ty FCC trong thời gian sớm và phù hợp với điều kiện tài chính hiện tại của Công ty CMS.

2. Đối với khoản tiền lãi phát sinh do sử dụng vốn: Hợp đồng giữa hai bên là thỏa thuận cùng nhau góp vốn nhằm hợp tác kinh doanh. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hiểu rõ bản chất đây là việc góp vốn cùng đầu tư, có lợi nhuận thì phân chia và có rủi ro thì cùng gánh chịu.

Tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06092012, hai bên đã thỏa thuận về tỷ lệ phi sử dụng vốn là 16,5%/năm. Theo đó, Công ty CMS hiểu rằng đây là tỷ lệ mà công ty FCC được phân chia đối với kết quả đầu tư kinh doanh theo quy định pháp luật về đầu tư. Trong hoạt động kinh doanh, kết quả đầu tư có thể là các khoản lợi nhuận dương (kinh doanh có lãi) nhưng hoàn toàn cũng có thể là rủi ro, thiệt hại (kinh doanh thua lỗ) nên việc phân chia kết quả đầu tư kinh doanh được hiểu rằng bao gồm việc phân chia lợi nhuận và phân chia rủi ro, thiệt hại.

Trên thực tế, công ty CMS đã thực hiện đầu tư toàn bộ khoản tiền góp vốn của công ty FCC vào các dự án tại Angola, Niger, Burkina Faso, Cameroon. Công ty CMS đã triển khai rất nhiều hạng mục đầu tư, có những hạng mục đã hoàn thiện và đã gửi hồ sơ đề nghị các đối tác thực hiện thanh toán. Nhưng, do có sự khác biệt về hệ thống pháp luật và những bất cập trong quá trình phối hợp giữa các đơn vị chức năng của các nước sở tại – nơi Công ty CMS đang thực hiện đầu tư nên Công ty CMS gặp phải rất nhiều khó khăn và các vướng mắc pháp lý trong quá trình đề nghị thanh toán các khoản tiền đầu tư. Đến thời điểm hiện tại, Công ty CMS đang phải gánh chịu rất nhiều tổn thất do những vướng mắc trong quá trình thực hiện thanh toán thu hồi công nợ với các đối tác nước ngoài. Từ những bất cập đó dẫn đến việc chậm trễ trong việc thu hồi vốn đầu tư, gây ra rất nhiều khó khăn, thiệt hại cho nhà đầu tư. Những khó khăn vướng mắc và các khoản thiệt hại này phát sinh do nhiều lý do khách quan, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty CMS. Vì vậy, với vai trò là một bên tham gia trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty CMS mong nhận được sự hợp tác, chia sẻ tích cực của công ty FCC trong việc giải quyết các vướng mắc nêu trên, cùng khắc phục các khó khăn để hai bên có thể sớm thu hồi được các khoản tiền đã đầu tư. Đặc biệt là đối với khoản chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng tư vấn không thành công với đối tác Viettel về dịch vụ hỗ trợ đầu thầu lấy giấy phép viễn thông tại Niger và Burkina Faso - do bà Đinh Thị C trực tiếp dẫn đoàn đi đàm phán.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty CMS thanh toán khoản tiền phát sinh do sử dụng vốn là phản ánh không đúng bản chất và không phù hợp quy định pháp luật về hoạt động hợp tác kinh doanh. Vì vậy, Công ty CMS cho rằng yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về khoản tiền lãi là không có căn cứ, đề nghị Tòa xem xét, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Công ty CMS.

Ngoài ra, Công ty CMS yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ vụ án với lý do đại diện theo pháp luật cũ của bị đơn đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh, Ninh Bình. Công ty CMS cần có thời gian gặp gỡ bà Hương để hỏi rõ các tình tiết vụ việc liên quan đến ký kết hợp đồng của CMS và FCC, vì nhân sự của công ty có sự thay đổi, người quản lý mới không nắm được thông tin cụ thể nên cần có thêm thời gian để thu thập thêm các tài liệu để giải quyết nội dung vụ việc.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2022/KDTM-ST ngày 13/07/2022 của Tòa án nhân dân quận CG đã quyết định.:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên FC đối với Công ty Cổ phần TBCN .

2. Buộc Công ty Cổ phần TBCN phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên FC các khoản theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06092012/FCC – CMS ngày 06/9/2012 các khoản như sau:

- Tiền vốn góp là: 29.050.000.000 đồng.

- Tiền phí sử dụng vốn đến ngày 30/6/2016 là 11.820.919.939 đồng.

Tổng cộng là 40.870.919.939 đồng (*bốn mươi tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, chín trăm mười chín nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty Cổ phần TBCN kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm chưa xem xét thấu đáo bản chất quan hệ hợp tác đầu tư giữa nguyên đơn và bị đơn tại hợp đồng mà các bên đã ký kết

*Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn trình bày: Các thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh mà hai bên đã ký kết là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật. Theo đó, các bên đã thỏa thuận trong mọi trường hợp thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lãi cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng bản chất của hợp đồng này là hợp đồng hợp tác kinh doanh nên cùng hưởng lợi nhuận và chia rủi ro nên bị đơn không phải trả lãi là không đúng nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Hợp đồng các bên đã ký kết vi phạm khoản 9 điều 3 Luật đầu tư. Đây là hợp đồng hợp tác đầu tư nên bản chất là có lợi cùng hưởng và rủi ro cùng chịu. Do việc hợp tác giữa hai bên không đạt được kết quả nên các bên đều phải chịu rủi ro hoặc bên được góp vốn chỉ phải trả nợ gốc. Mặt khác nguyên đơn cũng có lỗi khi chưa góp đủ vốn góp gây khó khăn trong quá trình bị đơn hoạt động và đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo: Đối với nợ gốc, các đương sự đều thừa nhận và không có kháng cáo nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nợ gốc. Về yêu cầu nợ lãi: Các bên có thỏa thuận trong hợp đồng về lãi, tuy nhiên việc thỏa thuận về lãi của các đương sự là chưa phù hợp với quy định tại Điều 376 Bộ luật dân sự 2005 và Nghị quyết 01/2019 của HĐTP của TAND tối cao. Theo đó, xác định hợp đồng các bên đã ký kết là hợp đồng cho vay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về lãi theo quy định tại Nghị quyết 01/2019 của TAND tối cao theo hướng giảm một phần lãi cho bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vốn góp. Bị đơn là Công ty Cổ phần TBCN có trụ sở tại Phòng 404 tòa nhà Vimenco, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận CG, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận CG xét xử sơ vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã hoãn phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất vào ngày 30/11/2022 do bị đơn xin hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo vào ngày 16/12/2022. Sau đó bị đơn mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại cấp phúc thẩm và có đơn xin hoãn phiên tòa để có thời gian nghiên cứu hồ sơ và tham gia tố tụng. Tòa án tiếp tục hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo vào ngày hôm nay (28/12/2022). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điều 238, 296 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án. Bị đơn tự bảo vệ quyền lợi của mình.

## **[2]. Về nội dung:**

Tại đơn kháng cáo gửi Tòa án, bị đơn là Công ty Cổ phần thiết bị công nghiệp kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận CG với lý do Bản án sơ thẩm chưa xem xét thấu đáo bản chất quan hệ hợp tác đầu tư giữa Công ty CMS và Công ty FCC tại bản hợp đồng đã ký kết nên buộc bị đơn phải thanh toán tiền “phí sử dụng vốn” là 11.820.919.939 đồng nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn không phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền này.

Xét kháng cáo của Công ty CP TBCN thấy:

Ngày 06/9/2012, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06092012/FCC-CMS với nội dung cơ bản: nguyên đơn đồng ý góp vốn với bị đơn để bị đơn tiến hành các hoạt động kinh doanh phù hợp với ngành nghề, chiến lược kinh doanh của mình để có lợi nhuận chia cho các bên. Số tiền góp vốn là 50 tỷ đồng. Thời hạn góp vốn hợp tác kinh doanh là 24 tháng kể từ ngày bị đơn nhận vốn hợp tác kinh doanh. Bị đơn sẽ phải thanh toán cho nguyên đơn chi phí sử dụng vốn từ việc góp vốn. Tỷ lệ phí sử dụng vốn mà nguyên đơn được nhận được áp dụng trong vòng 180 ngày kể từ ngày vóp vốn là 16,5%. Ngoài ra, hợp đồng còn ghi nhận các thỏa thuận khác của các bên.

Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết, nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn tổng số tiền là 30.050.000.000 đồng. Tại các văn bản là biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 21/4/2014, biên bản làm việc ngày 12/6/2014, biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2016 và biên bản làm việc ngày 26/10/2016 thì bị

đơn đều thừa nhận và xác nhận số tiền mà nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh là 30.050.000.000 đồng và tính đến hết năm 2016 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 29.050.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn số tiền nợ gốc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký với số tiền 29.050.000.000 đồng là có căn cứ. Sau khi xét xử, bị đơn cũng không kháng cáo về nợ gốc nên cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về số nợ gốc này.

Về nợ lãi:

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết, các bên có thỏa thuận: Mục 3.3 Điều 3 hợp đồng có nội dung: Trong mọi trường hợp, bên B phải trả cho bên A khoản phí sử dụng vốn cố định tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vốn góp. Tỷ lệ phí sử dụng mà bên A được nhận được áp dụng trong vòng 180 ngày kể từ ngày góp vốn là 16,5%/năm. Trong mọi trường hợp bên B (bị đơn) có nghĩa vụ thanh toán cho bên A phí sử dụng vốn theo tỷ lệ cố định này (16,5%/năm).

Như vậy, hợp đồng các bên đã thỏa thuận về số tiền góp vốn và phí sử dụng vốn. Xem xét các thỏa thuận trong hợp đồng (Điều 3.3) thì Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và phải trả lãi. (Mặc dù hợp đồng không quy định về lãi nhưng các bên đều hiểu và xác nhận là phí sử dụng vốn thực chất là tiền lãi của số tiền góp vốn 30.050.000.000 đồng này)

Do vậy, trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận: Trong mọi trường hợp bên B (bị đơn) có nghĩa vụ thanh toán cho bên A phí sử dụng vốn theo tỷ lệ cố định này (16,5%/năm).

Xem xét thỏa thuận này của các đương sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Ngày 06/9/2012, các bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh, do vậy cần áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để xem xét tính hợp pháp của thỏa thuận giữa hai bên. Theo quy định tại điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”

Tại điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn về: xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự 2005 có quy định:



“Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ. Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc)

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)”

Đối chiếu với bảng tính lãi của nguyên đơn thấy:

Về lãi trong hạn: Theo hợp đồng các bên ký kết thì có thỏa thuận thời hạn góp vốn là 24 tháng(02 năm) kể từ ngày nguyên đơn nhận vốn hợp tác kinh doanh (Ngày 05/9/2012 nguyên đơn bắt đầu chuyển tiền cho bị đơn)

Từ ngày 05/9/2012 đến ngày 4/6/2013 (09 tháng) nguyên đơn áp dụng mức lãi thỏa thuận là 16,5%/năm. Như đã viện dẫn quy định pháp luật nêu trên thì trong thời gian này nguyên đơn chỉ được áp dụng mức lãi suất cao nhất không quá 13,5% (150% của mức lãi suất cơ bản là 9%/năm) nên trong thời gian này thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh lại lãi theo hướng giảm từ 16,5% xuống còn 13,5%. Từ ngày 05/6/2013 đến ngày 5/9/2014 nguyên đơn tự nguyện áp dụng mức lãi suất là 13%. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng mức lãi suất này là phù hợp nên chấp nhận. Theo bảng kê tính lãi của nguyên đơn cũng thể hiện bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 2.074.207.833 đồng. Do vậy, theo quy định số tiền này sẽ được giảm trừ vào nợ gốc để làm căn cứ tính lãi. Do vậy, đối với lãi suất trong hạn, qua tính toán, cấp phúc thẩm xác định bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn lãi suất trong hạn (từ 05/9/2012 đến 05/9/2014) là: 7.701.634.385 đồng

Về lãi quá hạn: Từ khi khoản nợ chuyển quá hạn (từ 06/9/2014) nguyên đơn vẫn tiếp tục áp dụng mức lãi suất là 13% đến ngày 30/6/2016. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết 01 đã viện dẫn nêu trên thì mức lãi suất quá hạn là không phù hợp và phải áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ là 9%. Về thời gian quá hạn, nguyên đơn chỉ tính lãi đối với bị đơn đến ngày 30/6/2016. Tuy nhiên, từ 01/7/2015 đến 30/6/2016 theo bảng tính lãi của nguyên đơn thể hiện nguyên đơn tự nguyện áp dụng mức lãi suất 7,5% là phù hợp nên cấp phúc thẩm giữ nguyên yêu cầu về lãi của nguyên đơn trong thời gian từ 01/7/2015 đến 30/6/2016 với số tiền là 2.136.950.137 đồng. Còn từ thời điểm 06/9/2014 đến

30/6/2015 Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh giảm lãi theo mức lãi suất là 9%. Qua tính toán, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy trong thời gian này thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi quá hạn là 2.048.747.739 đồng.

Như vậy, tổng lãi trong hạn và quá hạn bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 11.887.332.261 đồng. Tuy nhiên, do bị đơn đã thanh toán được số tiền lãi 2.074.207.833 đồng nên còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 9.813.124.428 đồng.

Bị đơn cho rằng việc nguyên đơn không góp đủ số tiền thỏa thuận gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của bị đơn nên có lỗi cần phải xem xét trách nhiệm. Về nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn mới có ý kiến về vấn đề này. Các bên ký và thực hiện hợp đồng từ năm 2014 nhưng đến nay bị đơn mới có yêu cầu này thì theo quy định cũng đã hết thời hiệu khởi kiện hay phản tố

Từ những phân tích trên, thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận CG về lãi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm

### ***Từ những nhận định trên!***

Căn cứ các điều: 238; 296; 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần TBCN . Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2022/KDTM-ST ngày 13/07/2022 của Tòa án nhân dân quận CG , thành phố Hà Nội

### **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên FC đối với Công ty Cổ phần TBCN .

2. Buộc Công ty Cổ phần TBCN phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên FC tổng số tiền tính đến ngày 30/6/2016 là 38.863.124.428 đồng (*ba mươi tám tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó gồm:

- Tiền vốn góp: 29.050.000.000 đồng.
- Tiền phí sử dụng vốn (tiền lãi): 9.813.124.428 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần TBCN còn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

3. Về án phí: Công ty Cổ phần TBCN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 148.870.920 đồng được trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 18677 ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận CG . Công ty Cổ phần TBCN còn phải nộp 146.870.920 đồng

. Công ty TNHH một thành viên FC phải chịu 72.155.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ 74.485.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 3811 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận CG , Công ty TNHH Một thành viên FC được trả lại 2.330.500 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 28/12/2022

**Nơi nhận:**

- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. CG ;
- Chi cục THADS Q. CG ;
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Minh Thành**

